

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 15/6/2021

“*V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiên Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Xuân Toàn,
2. Ông Phạm Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chính-Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M.

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Phạm Thị Th.

Địa chỉ: Thôn P2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà M trình bày:

Vào ngày 24/7/2017(âm lịch), bà Th có vay của bà M 130.000.000 đồng. Bà Th hẹn đến ngày 24/3/2018 trả. Bà M nhiều lần yêu cầu bà Th trả nợ nhưng bà Th vẫn không trả nợ. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà M 130.000.000 đồng tiền nợ gốc, và tiền nợ lãi chậm trả kể từ ngày 25/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (được làm tròn là 38 tháng), với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền là 41.002.000 đồng. Sự việc vay mượn giữa bà M với Th không liên quan gì đến chồng của bà M là ông Nguyễn Văn L, do đó bà M đề nghị

Tòa án không đưa chồng của bà tham gia tố tụng trong vụ án này. Ông L đồng ý với yêu cầu của bà M.

Khi bà Th vay tiền của bà M có đưa cho bà M 01 sổ đỏ đứng tên bà Th để làm tin, nay bà M đồng ý trả lại sổ đỏ cho bà Th khi bà Th trả hết nợ cho bà M.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Th trình bày:

Bà Th thừa nhận có vay và còn nợ của bà M 130.000.000 đồng như bà M trình bày. Hiện tại, bà Th chưa có điều kiện để trả nợ cho bà M, bà Th yêu cầu bà M cho bà Th trả dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/11/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn P2, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Th vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy cam kết:

Bà Th viết giấy cam kết có nội dung: ngày 24/3/2017 (âm lịch) bà Phạm Thị Th có mượn của bà Lê Thị M số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 24/3/2018. Nội dung này đã được các bên đương sự thừa nhận. Xét các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà M, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: việc bà Th có vay và còn nợ của bà M 130.000.000 đồng là có thật, sự việc này đã được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ là ngày 24/3/2018, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc bà M và bà Th vay, mượn tiền không liên quan đến chồng của bà M, sự việc này đã được các bên thừa nhận. Do đó, Tòa án không triệu tập và không đưa chồng của bà M vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo như cam kết tại giấy mượn tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (được làm tròn là 38 tháng), với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền là 41.002.000 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là bà Lê Thị M số tiền 171.002.000 đồng; trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (được làm tròn 38 tháng), với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền là 41.002.000 đồng.

Khi bà Th vay tiền, bà Th có đưa cho bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD594595 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/10/2016 đứng tên bà Th để làm tin, nay bà M đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Th. Bà M đã nộp cho Tòa án để làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án; do đó Hội đồng xét xử sẽ chuyển giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chư Puh để thi hành theo thẩm quyền.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị M.

1. Buộc bị đơn là bà Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền 171.002.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm không hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 41.002.000 đồng.

2. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD594595 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/10/2016. Tòa án sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự để thi hành theo thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn là bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.550.100 đồng (Tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn, một trăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là bà M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.087.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0010984 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Puh (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Puh (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ